

Bản án số: 33/2020/KDTM-ST

Ngày: 28-9-2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 - TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Mai Trâm

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Bé
2. Ông Phạm Văn Tâm

*Thư ký phiên tòa:* Bà Đậu Thị Hải Hoài – cán bộ Tòa án nhân dân Quận 9 – thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST-KDTM ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2020/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2020/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH Y

Địa chỉ: 1 Lã Xuân Oai, phường T, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông P

Đại diện theo ủy quyền: bà M, sinh năm: 1993 (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 12/6/2020).

*Bị đơn:* Công ty S (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Y, khu C, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông H.

Địa chỉ: xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Công ty Y trình bày:

Ngày 06 tháng 11 năm 2017 Công ty Q và Công ty J ký kết hợp đồng kinh tế số: 06/11/2017/HSV-JK, nội dung hợp đồng Công ty Q cung cấp và lắp đặt máy nén khí trục vít GRH3GS-100A cho Công ty J. Giá trị hợp đồng là 370.200.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu hai trăm ngàn đồng) số tiền trên chưa bao gồm thuế GTGT 10%; về phương thức thanh toán: thanh toán thông qua phương thức chuyển khoản (tiền đồng Việt Nam) đến tài khoản của ông P, tại ngân hàng Shinhanbank CN Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Về thời hạn thanh toán đôi bên thỏa thuận sau khi Công ty Q giao hàng và lắp đặt, chạy thử máy hoàn thiện cho Công ty J thì Công ty J sẽ thanh toán 06 đợt bằng tiền Việt Nam cho Công ty Q, đợt 1: ngày 29/12/2017 thanh toán 61.700.000 đồng, đợt 2 ngày 31/01/2018 thanh toán 61.700.000 đồng, đợt 3 ngày 28/02/2018 thanh toán 61.700.000 đồng, đợt 4 ngày 30/3/2018 thanh toán 61.700.000 đồng, đợt 5 ngày 28/4/2018 thanh toán 61.700.000 đồng, đợt 6 ngày 31/5/2018 thanh toán 61.700.000 đồng.

Ngày 13/11/2017 Công ty Q đã giao hàng và lắp đặt hoàn thành máy nén khí trục vít GRH3GS-100A tại Công ty J. Biên bản nghiệm thu được Công ty J ký xác nhận. Nhưng sau khi hoàn thành công việc Công ty J liên tục trì hoãn và không thanh toán theo đúng thỏa thuận ban đầu của hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Ngày 25/01/2018 Công ty Q mới nhận được khoản thanh toán 100.000.000 đồng từ Công ty J. Sau nhiều lần nhắc nhở thanh toán qua điện thoại, email, gửi biên bản yêu cầu thanh toán và đến trực tiếp địa chỉ của Công ty J để xác nhận thời gian thanh toán nhưng Công ty J vẫn không thanh toán số tiền còn lại. Căn cứ Điều V của hợp đồng nêu trên quy định: khi Công ty J chưa thanh toán hết 100% giá trị hợp đồng thì toàn bộ thiết bị vẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty Q và Công ty Q có quyền thu hồi tài sản của mình. Vì vậy Công ty Q yêu cầu Công ty J hoàn trả lại máy nén khí trục vít GRH3GS-100A, số tiền 100.000.000 đồng mà Công ty J đã thanh toán cho Công ty Q được xem là chi phí khấu hao mà Công ty J đã sử dụng máy.

Ngày 15/5/2019 nguyên đơn Công ty Q nộp đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty J thanh toán số tiền còn thiếu là 270.200.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu hai trăm ngàn đồng) theo hợp đồng kinh tế số 06/11/2017 HSV-JK, không yêu cầu trả lãi suất.

Bị đơn Công ty J được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, triệu tập lấy lời khai, thông báo phiên họp và hòa giải nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty J hoàn trả số tiền còn thiếu là 270.200.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu hai trăm ngàn đồng) theo hợp đồng kinh tế số 06/11/2017 HSV-JK, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn Công ty J vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đúng theo quy định pháp luật. Thẩm phán đưa vụ án ra xét xử vi phạm về thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

- Về nội dung vụ án: căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty J thanh toán cho Công ty Q số tiền còn thiếu là 270.200.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu hai trăm ngàn đồng) theo hợp đồng kinh tế số 06/11/2017 HSV-JK, trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 9, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Công ty Q yêu cầu Công ty J thanh toán tiền mua máy nén khí trục vít GRH3GS - 100A còn thiếu theo hợp đồng kinh tế số 06/11/2017/HSV-JK ngày 06 tháng 11 năm 2017 nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều VII của hợp đồng kinh tế số 06/11/2017/HSV-JK ngày 06 tháng 11 năm 2017 quy định: *“hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký, không được đơn phương chấp dứt hợp đồng .... Nếu không giải quyết được trong vòng 30 ngày, bất kể bên nào cũng có thể đưa vụ tranh chấp hợp đồng ra Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo quy định pháp luật”*. Do đó căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ công văn số 1941/ĐKKD-THKT ngày 08/4/2019 và số 4964/ĐKKD-THKT ngày 11/7/2020 của Sở kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh thì bị đơn có địa chỉ trụ sở tại đường Y, khu C, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh, hiện chưa đăng ký giải thể.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty J đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định ngày 06 tháng 11 năm 2017 Công ty Q và Công ty J ký kết hợp đồng kinh tế số: 06/11/2017/HSV-JK, nội dung hợp đồng Công ty Q cung cấp và lắp đặt máy nén khí trục vít GRH3GS-100A cho Công ty J. Giá trị hợp đồng là 370.200.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu hai trăm ngàn đồng). Về thời hạn thanh toán đôi bên thỏa thuận sau khi Công ty Q giao hàng và lắp đặt, chạy thử máy hoàn thiện cho Công ty J thì Công ty J sẽ thanh toán 06 đợt bằng tiền Việt Nam cho Công ty Q, đợt 1: ngày 29/12/2017 thanh toán 61.700.000 đồng, đợt 2 ngày 31/01/2018 thanh toán 61.700.000 đồng, đợt 3 ngày 28/02/2018 thanh toán 61.700.000 đồng, đợt 4 ngày 30/3/2018 thanh toán 61.700.000 đồng, đợt 5 ngày 28/4/2018 thanh toán 61.700.000 đồng, đợt 6 ngày 31/5/2018 thanh toán 61.700.000 đồng. Ngày 13/11/2017 Công ty Q đã giao hàng và lắp đặt hoàn thành máy nén khí trục vít GRH3GS-100A tại Công ty J và đôi bên ký biên bản bàn giao nghiệm thu, tại biên bản nghiệm thu có ghi nội dung: *“tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu máy hoạt động tốt tại công trình”*.

[3.2] Căn cứ phiếu hạch toán ngày 25/01/2018 thể hiện Công ty J trả cho Công ty Q 100.000.000 đồng, nội dung chuyển tiền máy nén khí, số tiền còn lại 270.200.000 đồng Công ty J không thanh toán tiếp, như vậy Công ty J đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án Công ty J vắng mặt và không có ý kiến, tài liệu chứng cứ gì gửi cho Tòa án thể hiện đã thanh toán số tiền còn lại cho nguyên đơn Công ty Q. Do đó, căn cứ Điều 50 Luật Thương mại, nguyên đơn Công ty Q yêu cầu bị đơn Công ty J phải trả tiền mua hàng còn thiếu 270.200.000 đồng, trả làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

Đại diện nguyên đơn trình bày Công ty Q không xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty J vì tại hợp đồng kinh tế số 06/11/2017/HSV-JK ngày 06/11/2017 Công ty Q và Công ty J thỏa thuận giá trị hợp đồng là 370.200.000 đồng, số tiền trên không bao gồm thuế GTGT 10%. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều II của hợp đồng kinh tế số: 06/11/2017/HSV-JK nên chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu trả tiền lãi quá hạn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 là phù hợp.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty J phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là: 270.200.000 đồng x 5% = 13.510.000 đồng.

Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ nêu trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 24, Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại;

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty J có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Q số tiền 270.200.000 đồng (hai trăm bảy mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng) theo hợp đồng kinh tế số 06/11/2017/HSV-JK ngày 06/11/2017, trả làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Công ty J phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 13.510.000 đồng (mười ba triệu năm trăm mười ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 khi án có hiệu lực pháp luật.

Trả lại cho Công ty Q số tiền 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2018/0009292 ngày 12/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Q.9;
- Chi cục THADS Q9;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Mai Trâm**